| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ LƯƠNG**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Xuân Trà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thuyết; Bà Đặng Thị Đào

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương , tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:* Ông Lương Dương Tùng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Chị Hà Thị Bích Đ, sinh năm 1978;
* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung D, sinh năm 1976;
Cùng địa chỉ: Xóm S, xã C, huyện Ph , tỉnh Thái Nguyên.
(Chị Đ và anh D đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Hà Thị Bích Đ trình bày:*

Chị kết hôn với anh Nguyễn Trung D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 19/3/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương , tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D chơi bời, nghiện ma túy, lại có quan hệ ngoài hôn nhân với người khác. Chị Đ đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân trước khi anh D đi cải tạo tại Trại giam. Trong thời gian ly thân cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được,

không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên kiên quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Trung D.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Nguyễn Quỳnh Mai, sinh ngày 09/9/1999 và Nguyễn Tùng Anh, sinh ngày 09/6/2005, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Vợ chồng Chị Đ, anh D không nợ ai và không cho ai nợ.

** Bị đơn anh Nguyễn Trung D trong quá trình tố tụng trình bày:*

Về thời điểm kết hôn và tình trạng hôn nhân giữa anh và Chị Đ đúng như Chị Đ trình bày. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng, anh D mải chơi, không tu chí làm ăn, lại có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ năm 2018 vợ chồng sống ly thân, sau đó anh D vào Trại thì Chị Đ không còn quan tâm với anh nữa. Nay Chị Đ xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí theo yêu cầu ly hôn với Chị Đ.

- Về con chung: Vợ chồng anh có có 02 con chung tên là Nguyễn Quỳnh Mai, sinh ngày 09/9/1999 và Nguyễn Tùng Anh, sinh ngày 09/6/2005, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, tuy nhiên hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đúng như Chị Đ trình bày. Anh D không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D trình bày bản thân đang phải chấp hành án nên anh D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên họp, phiên tòa. Anh D hoàn toàn nhất trí với các tài liệu, chứng cứ mà Chị Đ đã nộp cho Tòa án, không có bất cứ yêu cầu gì, không có khiếu nại gì.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh Nguyễn Trung D. Bị đơn vắng mặt và không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu gì.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương , tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ theo quy

định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Bích Đ; Về án phí: Chị Hà Thị Bích Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1].** Về tố tụng: Chị Hà Thị Bích Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc xin ly hôn với anh Nguyễn Trung D, cư trú tại Xóm S, xã C, huyện Ph, Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương , tỉnh Thái Nguyên.

Anh D và Chị Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

**[2].** Về nội dung vụ án: Chị Hà Thị Bích Đ và anh Nguyễn Trung D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 19/3/1998. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của pháp luật. Do đó, hôn nhân của Chị Đ và anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Trong thời gian ly thân, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị kiên quyết xin được ly hôn với anh D.

Chị Đ làm đơn xin ly hôn với anh D vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc do anh D là người có nhược điểm trong sinh hoạt như mải chơi, không tu trí làm ăn, nghiện ma túy, trai gái. Chị Đ đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không nghe. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc và liên lạc gì với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập để hòa giải nhưng anh D đang phải chấp hành án tại trại giam nên đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Qua trình bày của cả Chị Đ và anh D về tình trạng hôn nhân, cuộc sống vợ chồng cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh D và Chị Đ thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do anh D không tu chí làm ăn, bản thân nghiện ma túy, lại có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác, không chỉ vi phạm chế độ một vợ một chồng theo luật hôn nhân và gia đình mà còn vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ,

chồng. Do đó vợ chồng đã sống ly thân khoảng 5 đến 6 năm nay, không còn quan tâm đến nhau trong cuộc sống, anh D cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Đ và anh D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Đ là phù hợp.

**[3].** Về con chung: Vợ chồng anh D và Chị Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Quỳnh Mai, sinh ngày 09/9/1999 và Nguyễn Tùng Anh, sinh ngày 09/6/2005, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên Chị Đ và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4].** Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Cả Chị Đ và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ.

**[5]** Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

**[6]** Về án phí: Chị Hà Thị Bích Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Căn cứ pháp luật:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

**2. Tuyên xử:**

*2.1.* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Bích Đ đối với anh Nguyễn Trung D. Chị Hà Thị Bích Đ được ly hôn với anh Nguyễn Trung D.

*2.2.* Về con chung: Anh D và Chị Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Quỳnh Mai, sinh ngày 09/9/1999 và Nguyễn Tùng Anh, sinh ngày 09/6/2005, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, đã đủ 18 tuổi nên không xem xét

*2.3.* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị Đ, anh D không nợ ai và không cho ai nợ.

*2.4*. Về án phí: Chị Hà Thị Bích Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004518 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*2.5*. Quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Bích Đ và anh Nguyễn Trung D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND h. Phú Lương;
- Chi cục THADS h. Phú Lương
- Các đương sự ;
- UBND phường Tân Long, tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Tạ Xuân Trà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Xuân Trà**